

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-PT
Ngày: 23-01-2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 353/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1068/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng D sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ô B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Minh T, sinh năm 1985 (có mặt);

2. Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Minh Hoàng H, sinh năm 1972 (theo Giấy ủy quyền ngày 19/9/2023) (có mặt);

Địa chỉ: số A Khu phố D, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Minh T và bà Lê Thị Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D trình bày:*

Yêu cầu bị đơn ông T và bà L liên đới trả số tiền vay là 700.000.000 đồng, trả lần đầu 500.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền còn lại 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ 01/5/2023 tới 01/8/2023 tính theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đồng ý cho trả dần hằng tháng từ ngày 01/10/2023, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Từ ngày vay tới nay phía bị đơn không thực hiện được trả nợ gốc cho nguyên đơn từ thời điểm tháng 01/2023 thì nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện trả dần số nợ gốc.

** Bị đơn ông Đinh Minh T trình bày:*

Ông thống nhất số tiền còn nợ ông D là 700.000.000 đồng, ông xin trả dần hằng tháng, mỗi tháng trả 500.000 đồng, đối với bà L vợ ông thì không biết và không liên quan tới số tiền này nên bà L không có trách nhiệm phải liên đới cùng ông trả số nợ cho ông D. Từ ngày vay tới nay phía bị đơn không thực hiện được trả nợ gốc cho nguyên đơn từ thời điểm tháng 01/2023 thì nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện trả dần số nợ gốc. Ông vay tiền là để dùng vào việc kinh doanh tại nhà của vợ chồng ông đang ở.

** Bị đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:*

Bà cho rằng việc tranh chấp số tiền vay mượn giữa ông T chồng bà và ông D thì bà không biết và không liên quan, đồng thời bà cũng không sử dụng số tiền đó, bà không đồng ý liên đới cùng ông T trả số nợ cho phía ông D.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 353/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D.

Buộc bị đơn Đinh Minh T và Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hồng D số tiền 700.000.000 đồng, trả lần đầu 500.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền còn lại 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ 01/5/2023 tới 01/8/2023 là 17.430.000 đồng trả dần hằng tháng từ 01/10/2023, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 13/9/2023, bị đơn ông Đinh Minh T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được trả dần

mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ vốn 700.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

* Ngày 19/9/2023, bị đơn bà Lê Thị Hồng L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không buộc bà có trách nhiệm liên đới cùng ông Đinh Minh T trả nợ cho ông Nguyễn Hồng D.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T: ông T xin trả nợ vốn 700.000.000 đồng, không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì ông D không đồng ý, ông D yêu cầu trả 500.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, 200.000.000 đồng còn lại đồng ý cho trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 01/02/2024. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D không yêu trả lãi như án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần này. Yêu cầu kháng cáo của ông T là có căn cứ một phần.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà L: bà L cho rằng không biết ông T vay tiền nhằm mục đích gì, cũng không biết gì về khoản vay này, bà L có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông T thừa nhận ông vay tiền nhằm mục đích kinh doanh tại nhà, phục vụ sinh hoạt chung của gia đình. Do đó, án sơ thẩm buộc bà L liên đới cùng ông T trả nợ cho ông D là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này*”. Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đinh Minh T, bà Lê Thị Hồng L nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Minh T và bà Lê Thị Hồng L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Hồng D và ông Đinh Minh T thống nhất vào các ngày 06/12/2021, 23/4/2022, 06/7/2022 ông T có vay của ông D các khoản tiền thể hiện tại Giấy mượn tiền do ông D cung cấp để làm căn cứ khởi kiện, số tiền ông T đã vay của ông D tổng cộng là 700.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông T có nợ ông D số tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2023, ông T khai nhận ông là lao động chính trong gia đình, trước đây ông và bà L cùng kinh doanh tại nhà, ông T có sử dụng số tiền vay mượn của ông D để mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ mục đích kinh doanh, ông T và bà L vẫn còn sống chung với nhau, thời điểm đó bà L không có công việc ổn định. Xét thấy, mặc dù bà L không ký tên vào các giấy mượn tiền và cho rằng không biết, không liên quan gì đến việc vay tiền này nhưng ông T đã sử dụng số tiền vay của ông D để phục vụ hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra thu nhập chi trả các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Bà L cho rằng bà có nguồn thu nhập ổn định và độc lập với ông T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, hơn nữa vợ chồng ông bà vẫn còn sống chung, các nhu cầu thiết yếu của gia đình vẫn được đảm bảo bằng các khoản thu nhập chung của vợ chồng. Theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L liên đới cùng ông T trả nợ cho ông D là có căn cứ.

Các Giấy mượn tiền mà ông D cung cấp không thể hiện thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, ông T thừa nhận từ khi vay cho đến nay, ông vẫn chưa trả được khoản tiền vốn nào cho ông D mặc dù ông D đã yêu cầu trả dần nợ vốn từ tháng 01/2023. Như vậy, bị đơn đã có lỗi trong giao dịch vay mượn, vi phạm nghĩa vụ của bên vay đối với bên cho vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T và bà L trả toàn bộ nợ vốn cho ông D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Ông T xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 700.000.000 đồng nhưng không được ông D chấp nhận, hơn nữa việc ông T chưa trả được khoản tiền vốn nào cho ông D từ khi vay cho đến nay đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Do đó, yêu cầu trả dần của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D chỉ yêu cầu ông T và bà L trả nợ vốn 700.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/8/2023 như án sơ thẩm đã tuyên. Xét đây là sự tự nguyện của ông D, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[2.3] Về thời gian thực hiện việc trả nợ: Ông D đồng ý cho ông T và bà L trả lần đầu 500.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền còn lại 200.000.000 đồng sẽ trả dần hằng tháng từ ngày 01/02/2024, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của ông D, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[2.4] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần, yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của ông được chấp nhận một phần, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của bà không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Minh T.
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng L.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 353/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D.

Buộc ông Đinh Minh T và bà Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hồng D số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện như sau:

- Trả lần đầu 500.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật
- Số tiền còn lại 200.000.000 đồng trả dần hằng tháng từ ngày 01/02/2024, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Ông Đinh Minh T và bà Lê Thị Hồng L phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Nguyễn Hồng D 17.395.000 đồng tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai số 0011765 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Đinh Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông Đinh Minh T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011908 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011922 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong